

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1385/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 3 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 của các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về áp dụng các quyết định quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi” giai đoạn 2025 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 2008/SNV-CCHCTN&VTTLT ngày 24 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 của các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ CCHC - Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, HCTC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TTHC.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoàng Giang

KẾ HOẠCH

**Triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 của
các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND
ngày tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

a) Xác định Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) năm 2025 của các sở, ban ngành (cấp sở) và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (cấp xã) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi dựa trên các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần theo đặc điểm, tính chất quản lý nhà nước của cấp sở; cấp xã đã được phê duyệt tại Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (gọi tắt là Quyết định số 134/QĐ-UBND).

b) Tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, công dân tham gia giám sát việc thực hiện nhiệm vụ CCHC, công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước và chất lượng thực thi công vụ của cán bộ, công chức.

c) Công bố Chỉ số CCHC năm 2025 các cấp để làm cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, năng lực lãnh đạo, điều hành, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp và là một trong những tiêu chí đánh giá, bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng năm 2025 cho tập thể, cá nhân theo Quy chế thi đua, khen thưởng tỉnh Quảng Ngãi.

d) Trên cơ sở kết quả đánh giá, phân loại Chỉ số CCHC, xác định được những mặt còn hạn chế, đề ra giải pháp khắc phục, góp phần nâng cao hiệu quả công tác CCHC trong thời gian tiếp theo.

2. Yêu cầu

a) Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu được phê duyệt tại Quyết định số 134/QĐ-UBND.

b) Tổ chức công tác tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC cấp sở và Ủy ban nhân dân cấp xã bảo đảm trung thực, khách quan, đúng quy định.

c) Đánh giá toàn diện, thực chất kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2025 của các cơ quan, địa phương; tổ chức điều tra xã hội học theo bộ câu hỏi điều tra xã hội học đối với từng nhóm đối tượng điều tra, khảo sát quy định trong Bộ Chỉ số CCHC cấp sở, Ủy ban nhân dân cấp xã, đảm bảo khách quan, phù hợp với điều kiện thực tế.

d) Xác định được Chỉ số CCHC năm 2025 của từng cơ quan, địa phương; đồng thời, phản ánh thực chất, khách quan kết quả CCHC của từng sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân của từng xã, phường, đặc khu.

đ) Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, tổ chức và người dân đối với CCHC nói chung và đánh giá kết quả CCHC hàng năm của các sở, ban ngành, địa phương nói riêng.

e) Đảm bảo tiến độ kế hoạch để kịp thời bình xét thi đua, khen thưởng và đề xuất các giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế của công tác CCHC năm 2025; đề ra phương hướng nâng cao hiệu quả công tác CCHC trong những năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

1. Tổ chức tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC

a) Nội dung thực hiện:

- Các sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC theo các lĩnh vực tương ứng với tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong bộ Chỉ số CCHC của từng cấp, ban hành kèm theo Quyết định số 134/QĐ-UBND; mỗi tiêu chí, tiêu chí thành phần được chấm điểm đều phải có tài liệu, hình ảnh minh chứng kèm theo. Đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu, hình ảnh minh chứng hoặc tài liệu, hình ảnh minh chứng chưa thể hiện hết nội dung đánh giá, chấm điểm thì đơn vị phải có giải trình cụ thể về cách đánh giá, tính điểm.

- Sau khi hoàn thành việc tự chấm điểm của các cơ quan, địa phương: Cấp sở và Ủy ban nhân dân cấp xã cập nhật, gửi báo cáo tự đánh giá, chấm điểm, tài liệu, hình ảnh minh chứng, báo cáo giải trình thông qua phần mềm Quản lý chấm điểm xác định Chỉ số CCHC và gửi báo cáo tổng hợp kết quả chấm điểm về Sở Nội vụ **chậm nhất ngày 20 tháng 11 năm 2025**.

- Sau thời gian quy định (*phần mềm Quản lý chấm điểm sẽ tự động khóa*), các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã không thực hiện chấm điểm hoặc không gửi báo cáo và tài liệu minh chứng để kiểm chứng thì Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương đó không được chấm điểm và xem như cơ quan, đơn vị, địa phương đó không hoàn thành nhiệm vụ CCHC năm 2025.

b) Cơ quan chủ trì: Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan.

2. Tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Nội dung thực hiện:

- Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định theo lĩnh vực được giao tiến hành kiểm tra, đối chiếu kết quả tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC của các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã; xác định mức điểm cụ thể phù hợp theo từng tiêu chí, tiêu chí thành phần của mỗi cơ quan, đơn vị; báo cáo kết quả thẩm định về cơ quan thường trực Hội đồng (*Sở Nội vụ*) theo quy định.

- Thời gian thực hiện: Tháng 11 năm 2025.

b) Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ - Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định.

c) Cơ quan phối hợp: Các cơ quan là thành viên Hội đồng thẩm định.

3. Điều tra xã hội học (XHH)

a) Phạm vi, đối tượng và số lượng phiếu điều tra:

Điều tra XHH đối với các sở, ban ngành:

- Đối tượng và số lượng mẫu phiếu điều tra XHH:

+ Thường trực HĐND tỉnh: 105 mẫu phiếu, cụ thể: 07 người x 15 sở, ban ngành.

+ Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh: 60 mẫu phiếu, cụ thể: 04 người x 15 sở, ban ngành.

+ Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã: 1.440 mẫu phiếu, cụ thể: 01 người/xã x 96 xã, phường, đặc khu x 15 sở, ban ngành.

+ Lãnh đạo sở, ban ngành: 630 mẫu phiếu, cụ thể: 03 người x 14 sở, ban ngành x 15 đơn vị.

+ Lãnh đạo cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã: 1.440 mẫu phiếu, cụ thể: 01 người/xã x 96 xã, phường, đặc khu x 15 sở, ban ngành.

- Tổng số mẫu phiếu điều tra XHH cấp sở: **3.675 mẫu phiếu.**

Điều tra XHH đối với Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Đối tượng và số lượng mẫu phiếu điều tra XHH:

+ Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh: 384 mẫu phiếu, cụ thể: 04 người x 96 xã, phường, đặc khu.

+ Lãnh đạo sở, ban ngành: 4.320 mẫu phiếu, cụ thể: 03 người/sở, ngành x 15 sở, ngành x 96 xã, phường, đặc khu.

+ Thường trực HĐND cấp xã: 384 mẫu phiếu, cụ thể là: 04 người/xã, phường, đặc khu x 96 xã, phường, đặc khu.

+ Lãnh đạo cơ quan chuyên môn cấp xã: 768 mẫu phiếu, cụ thể là: 02 người x 04 phòng/xã x 96 xã.

+ Người dân: 8.640 mẫu phiếu, cụ thể là: 30 người x 03 thôn, tổ dân phố x 96 xã, phường, đặc khu; mỗi xã, phường, đặc khu chọn 03 thôn, tổ dân phố có mức độ phát triển kinh tế - xã hội thuộc loại tốt, trung bình, kém. Tại mỗi đơn vị hành chính cấp xã, chọn ngẫu nhiên 30 người dân để điều tra XHH.

+ Doanh nghiệp/hộ kinh doanh: 2.880 mẫu phiếu, cụ thể là: 30 doanh nghiệp/hộ kinh doanh/xã, phường, đặc khu x 96 xã, phường, đặc khu; mỗi xã, phường, đặc khu lựa chọn đại diện doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp ngoài quốc doanh và hộ kinh doanh.

- Tổng số lượng mẫu phiếu điều tra XHH cấp xã: **17.376 mẫu phiếu.**

b) Thời gian và cơ quan thực hiện điều tra XHH sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Thời gian thực hiện: Tháng 10 - 11/2025, cụ thể:

+ Hoàn thành mẫu phiếu điều tra, in ấn phiếu điều tra, phân bổ phiếu điều tra XHH các cấp **chậm nhất ngày 29 tháng 10 năm 2025**.

+ Hoàn thành việc điều tra, khảo sát, thu phiếu gửi cơ quan chủ trì tổng hợp phiếu **trước ngày 20 tháng 11 năm 2025**.

+ Hoàn thành tổng hợp phiếu điều tra các cấp **trước ngày 30 tháng 11 năm 2025**.

- Cơ quan thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ.

+ Cơ quan phối hợp, thực hiện: Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

c) Kinh phí:

- Kinh phí thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia; Thông tư số 26/2019/TT-BTC ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác CCHC nhà nước; Thông tư số 33/2022/TT-BTC ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2019/TT-BTC ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác CCHC nhà nước; Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia và các quy định về thu, chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Đối với các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo nguồn ngân sách của tỉnh.

4. Tổ chức thẩm định, đánh giá kết quả tự chấm điểm của các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC cấp sở, cấp xã (*Hội đồng thẩm định tỉnh*) có trách nhiệm tổ chức thẩm định, đánh giá kết quả tự chấm điểm công tác CCHC của từng sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Chỉ số CCHC năm 2025 của từng sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

b) Thời gian hoàn thành công tác thẩm định, xếp hạng và công bố Chỉ số CCHC các cấp **chậm nhất ngày 31 tháng 12 năm 2025**.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

a) Chủ trì việc triển khai xác định Chỉ số CCHC, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Chỉ số CCHC năm 2025 đối với sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC của đơn vị mình và thực hiện điều tra XHH theo quy định.

c) Tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, gồm các Sở: Nội vụ; Tư pháp; Tài chính; Khoa học và Công nghệ và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Thành lập Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định để tổ chức triển khai thực hiện việc thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

đ) Ban hành Kế hoạch điều tra XHH để xác định Chỉ số CCHC năm 2025 của các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã; thành lập Tổ điều tra XHH, thành lập Tổ công tác hoặc hợp đồng đơn vị tư vấn để xây dựng mẫu phiếu điều tra XHH (*theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định tại Quyết định số 134/QĐ-UBND*) và in ấn phiếu điều tra XHH đối với các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã; cử cán bộ, công chức phối hợp điều tra, giám sát, phúc tra quá trình điều tra XHH tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

e) Hợp đồng đơn vị tư vấn để tổng hợp và xử lý số liệu kết quả điều tra XHH phục vụ xác định Chỉ số CCHC năm 2025 của các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã; thực hiện công tác kiểm tra thực tế việc triển khai xác định Chỉ số CCHC, tổng hợp kết quả tự đánh giá và kết quả điều tra XHH để xây dựng báo cáo tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

g) Lập dự toán kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC hàng năm đối với các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã, gửi Sở Tài chính thẩm định; thực hiện thanh quyết toán tài chính phục vụ cho công tác điều tra XHH và chi phí triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2025 theo quy định.

h) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả xác định Chỉ số CCHC sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã; tham mưu việc đánh giá, công bố xếp hạng chỉ số CCHC và đề xuất khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương đạt Chỉ số CCHC cao.

2. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn lập dự toán, quyết toán kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC hàng năm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

b) Phân bổ kịp thời nguồn kinh phí đảm bảo cho việc tổ chức, triển khai thực hiện công tác xác định Chỉ số CCHC trên địa bàn tỉnh.

3. Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

a) Tự đánh giá, chấm điểm, xác định Chỉ số CCHC của đơn vị mình trên phần mềm Quản lý chấm điểm xác định Chỉ số CCHC theo hướng dẫn của Sở Nội vụ, gửi kết quả và tài liệu, hình ảnh minh chứng về Sở Nội vụ đúng nội dung và thời gian quy định.

b) Thực hiện đảm bảo trung thực, khách quan về công tác điều tra XHH tại đơn vị.

Yêu cầu các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.